

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, khu ĐTM Trung Hoà, Nhân Chính,  
Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	42.227.591	44.173.679
Tiền gửi ngân hàng	87.394.198	507.408.220
	<b>129.621.789</b>	<b>551.581.899</b>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	8.696.000.000	8.696.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(8.696.000.000)	(8.696.000.000)
	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản cho Công ty Cổ phần vật tư ngành nước vay theo các kế ước ngắn hạn với lãi suất dao động từ 0,8% đến 1,4%/tháng.

**5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về tiền lãi vay C.ty CP vật tư ngành nước	1.672.615.094	1.672.615.094
Phải thu lãi vay, cốp pha, BHXH, thuế các đội xây dựng	7.960.720.578	7.960.720.578
Phải thu khác	739.212.159	739.212.159
	<b>10.372.547.831</b>	<b>10.372.547.831</b>

**6 HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.190.611	40.190.611
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	320.532.324.715	360.219.835.122
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>320.572.515.326</b>	<b>360.260.025.733</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.636.692.172)	(3.636.692.172)
<b>Cộng</b>	<b>316.935.823.154</b>	<b>356.623.333.561</b>

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	165.935.123	165.935.123
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	1.475.500	1.475.500
	<b>167.410.623</b>	<b>167.410.623</b>

**7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	120.608.397.399	102.271.207.807
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-
	<b>120.608.397.399</b>	<b>102.271.207.807</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**

Tầng 1, Văn phòng 6, khu ĐTM Trung Hoà, Nhân Chính, Thanh Xuân,  
Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ  
Ngày 31/03/2013

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>										
Số dư đầu năm	-	32.652.883.995	-	16.753.921.763	-	345.541.244	-	49.752.347.002		
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-		
- Mua sắm mới	-	-	-	-	-	-	-	-		
Số giảm trong năm	-	(590.476.190)	-	(1.872.550.979)	-	-	-	(2.463.027.169)		
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-	-	-	-		
- Thanh lý, nhượng bán	-	(590.476.190)	-	(1.872.550.979)	-	-	-	(2.463.027.169)		
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối năm	-	32.062.407.805	-	14.881.370.784	-	345.541.244	-	47.289.319.833		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>										
Số dư đầu năm	-	21.774.271.701	-	8.653.494.468	-	344.246.430	-	30.772.012.599		
Số tăng trong năm	-	822.484.353	-	420.074.011	-	1.294.813	-	1.243.853.177		
- Trích khấu hao	-	822.484.353	-	420.074.011	-	1.294.813	-	1.243.853.177		
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-		
Số giảm trong năm	-	(590.476.190)	-	(1.576.267.834)	-	-	-	(2.166.744.024)		
- Thanh lý, nhượng bán	-	(590.476.190)	-	(1.576.267.834)	-	-	-	(2.166.744.024)		
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối năm	-	22.006.279.864	-	7.497.300.645	-	345.541.243	-	29.849.121.752		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>										
Đầu năm	-	10.878.612.294	-	8.100.427.295	-	1.294.814	-	18.980.334.403		
Cuối năm	-	10.056.127.941	-	7.384.070.139	-	1	-	17.440.198.081		

*Trong đó*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 18.980.334.402 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.437.218.715 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 16.394.192.603 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, khu ĐTM Trung Hoà, Nhân Chính,  
Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

**9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>3.963.950.000</b>	<b>3.963.947.136</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 11.1	3.963.950.000	3.963.947.136
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>3.963.950.000</b>	<b>3.963.947.136</b>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	92.115.452	1.392.713.897
Số tăng trong năm	-	-
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(8.063.200)	(1.300.598.445)
Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>84.052.252</b>	<b>92.115.452</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	-	-
Cột pha, đà giáo	-	-
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	84.052.252	92.115.452
	<b>84.052.252</b>	<b>92.115.452</b>

11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>106.492.781.526</b>	<b>116.017.265.143</b>
- Vay ngân hàng	86.632.199.410	89.380.561.505
- Vay tổ chức khác	19.560.582.116	26.436.703.638
- Vay cá nhân	300.000.000	200.000.000
<b>Nợ dài hạn hạn đến hạn trả</b>	<b>14.370.424.170</b>	<b>14.370.424.170</b>
	<b>120.863.205.696</b>	<b>130.387.689.313</b>

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương (1)	37.996.897.662	39.496.930.141
Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2	248.960.168	548.960.168
Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam (Vinaconex) (2)	14.311.621.948	20.887.743.470
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Nam Thăng Long (3)	13.803.325.433	14.550.625.340
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4)	34.831.976.315	35.333.006.024
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	5.000.000.000	5.000.000.000
Chu Văn Thống	200.000.000	200.000.000
Ngô Thị Quy	70.000.000	
Trần Thị Hương Lan	30.000.000	
	<b>106.492.781.526</b>	<b>116.017.265.143</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng với thời hạn vay là 10 tháng, thời hạn rút vốn là 1 tháng với mục đích cho vay là thanh toán tiền mua vật tư và các chi phí khác để thi công xây lắp các công trình. Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là tín chấp.

(2) Bao gồm 02 hợp đồng cụ thể sau:

- Hợp đồng tín dụng ngày 07/06/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 24 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng từ ngày 08/12/2010;
  - + Lãi suất cho vay: 12%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng ngày 09/12/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 06 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: 13%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(3) Bao gồm 04 hợp đồng cụ thể sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01-0109/2010/V11 ngày 01/09/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 30 tỷ đồng;

- + Mục đích vay: thanh toán các chi phí phục vụ thi công hoàn thiện nhà 25T2 dự án Cụm nhà ở hỗn hợp chung cư kết hợp văn phòng dịch vụ tại lô đất N05 Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng;
  - + Thời hạn của hợp đồng được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: thả nổi theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD/NTL-VC11 ngày 01/10/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 04 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán các chi phí phục vụ thi công công trình "Chống thấm và sơn nền nhà E, nhà BB5, nhà BB6 Tổng cục Hậu Cần, Bộ Công An";
  - + Thời hạn của hợp đồng là 05 tháng kể từ ngày nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: thả nổi theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng tín dụng số 1911/2010/VC11 ngày 19/11/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 20 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán các chi phí phục vụ thi công xây dựng theo hợp đồng số 0375/2010/HDDXD hạng mục Nhà liền kề (block 105,106,107, 108) dự án Xây dựng giai đoạn I phát triển khu đô thị mới Bắc An Khánh tại Hà Nội, Việt Nam;
  - + Thời hạn của hợp đồng được ghi trên từng hợp đồng cụ thể nhưng tối đa không quá 12 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD/NTL-VC11 ngày 22/06/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 05 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán các chi phí phục vụ thi công xây lắp gói thầu "Hạ tầng kỹ thuật gói thầu Xây lắp hạ tầng kỹ thuật lô 3.1-giai đoạn 1 dự án Khu đô thị mới thuộc khu đô thị Đại học Văn Canh";
  - + Thời hạn của hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: thả nổi theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo, sẽ yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐCTD/10047 ngày 26/07/2010 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng tối đa là 09 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày trả xong nợ cho từng giấy nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và thay đổi 03 tháng một lần kể từ ngày nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: ngân hàng cho vay không có tài sản đảm bảo.

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	13.914.294.063	9.086.631.408
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
Thuế Thu nhập cá nhân		
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-
	<b>13.914.294.063</b>	<b>9.086.631.408</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị

**13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí cho các công trình	3.004.012.233	-
Trích trước chi phí lãi vay	-	-
Trích trước chi phí thuê văn phòng	1.783.945.953	1.783.945.953
Trích trước khác	99.895.833	99.895.833
	<b>4.887.854.019</b>	<b>1.883.841.786</b>

**14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	884.325.307	865.596.049
Bảo hiểm xã hội	3.848.171.472	3.893.272.126
Bảo hiểm y tế	813.706.375	766.337.525
Bảo hiểm thất nghiệp	353.435.753	333.138.093
Phải trả về cổ phần hoá	23.100.000	23.100.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	704.410.470	704.338.290
Phải trả lãi vay Công ty cổ phần xây dựng số 9	-	-
Tạm ứng cho đội thi công	466.630.741	466.630.741
Phải trả, phải nộp khác	910.094.410	910.094.410
	<b>8.003.874.528</b>	<b>7.962.507.234</b>

**15 VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	2.981.661.264	2.981.661.264
- Vay ngân hàng	2.981.661.264	2.981.661.264
	<b>2.981.661.264</b>	<b>2.981.661.264</b>

**Chi tiết vay dài hạn**

	31/03/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hải Dương (1)	481.661.264	481.661.264
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Thăng Long (3)	2.500.000.000	2.500.000.000
	<b>2.981.661.264</b>	<b>2.981.661.264</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (1) Bao gồm các hợp đồng với thời hạn vay từ 36 đến 60 tháng, với mục đích vay là phục vụ các dự án của Công ty. Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD ngày 10/09/2009 với thời hạn vay 41 tháng; mục đích vay là phục vụ các dự án của Công ty. Hình thức đảm bảo tiền là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (3) Hợp đồng số 01/2009/HĐTD/NTL-VC11 năm 2009 với thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay là để trang trải tiền thuê dài hạn văn phòng làm việc. Hình thức đảm bảo tiền là thế chấp quyền sử dụng văn phòng trụ sở của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**

Tầng 1, Văn phòng 6, khu ĐTM Trung Hoà, Nhân Chính,  
Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ  
Ngày 31 tháng 03 năm 2013

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Số dư đầu năm trước	83.998.890.000	23.426.417.500	15.915.811.490	2.177.632.356	(27.752.890.743)	115.859.304.449	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(10.212.294.808)	(10.212.294.808)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>83.998.890.000</b>	<b>23.426.417.500</b>	<b>15.915.811.490</b>	<b>2.177.632.356</b>	<b>(37.965.185.551)</b>	<b>87.553.565.795</b>	
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	(4.300.180.626)	(4.300.180.626)
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>83.998.890.000</b>	<b>23.426.417.500</b>	<b>15.915.811.490</b>	<b>2.177.632.356</b>	<b>(42.265.366.177)</b>	<b>83.253.385.169</b>	

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Tỷ lệ (%)
	VND	VND			
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000.000	25.500.000.000	30,36%	25.500.000.000	51,00%
- Công ty CP Đầu tư xây dựng và kỹ thuật VINACONEX	17.000.000.000	17.000.000.000	20,24%		0,00%
Công ty cổ phần xây dựng số 3 - VINACONEX3	8.500.000.000	8.500.000.000	10,12%		
- Đối tượng khác	32.998.890.000	32.998.890.000	39,28%	24.500.000.000	49,00%
	<b>83.998.890.000</b>	<b>83.998.890.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, khu ĐTM Trung Hoà, Nhân Chính,  
Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	83.998.890.000
- Vốn góp đầu năm	83.998.890.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		33.998.890.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	-	83.998.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		4.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.399.889	8.399.889
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.399.889	8.399.889
- Cổ phiếu phổ thông	8.399.889	8.399.889
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.399.889	8.399.889
- Cổ phiếu phổ thông	8.399.889	8.399.889
Mệnh giá cổ phiếu đã hu hành	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/3/2013	01/01/13
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.915.811.490	15.915.811.490
Quỹ dự phòng tài chính	2.177.632.356	2.177.632.356
	<b>18.093.443.846</b>	<b>18.093.443.846</b>

**17 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	31/3/2013	01/01/2013
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	56.596.832.705	184.379.594.749
Doanh thu về bán hàng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	4.866.153.624
	<b>56.596.832.705</b>	<b>189.245.748.373</b>

**18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	31/3/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	56.076.902.546	173.781.743.411
Giá vốn của hàng hóa đã bán		-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	4.482.987.065
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-
	<b>56.076.902.546</b>	<b>178.264.730.476</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**Tầng 1, Văn phòng 6, khu ĐTM Trung Hoà, Nhân Chính,  
Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

**19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	31/3/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.749.215	12.658.470
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	554.952.000
	<b>3.749.215</b>	<b>567.610.470</b>

**20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	31/3/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.861.222.524	24.319.196.152
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-
	<b>4.861.222.524</b>	<b>24.319.196.152</b>

**21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	31/3/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	-	42.755.685
Chi phí nhân công	911.890.618	4.111.502.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.884.403	137.527.547
Thuế, phí, lệ phí	9.518.275	36.247.312
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.084.664	554.589.787
Chi phí khác bằng tiền	486.796.371	568.476.168
	<b>1.599.174.331</b>	<b>5.451.099.290</b>

**22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	31/3/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.300.180.626)	(29.509.171.777)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(4.300.180.626)	(29.509.171.777)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp truy thu năm 2009	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

**23 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**24 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

Hà nội, ngày 26 tháng 04 năm 2013

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hương Lan

Trần Minh Toán

Đặng Văn Hiếu